

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2024
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Phạm Thiên Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà H’Ra Chen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 219/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Thị Y, sinh năm 1996 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon J, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Điều X, sinh năm 1994 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bon J, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị Y trình bày: Chị Thị Y kết hôn với anh Điều X năm 2014, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được vài tháng và không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều khác biệt về quan điểm sống. Chị Thị Y và anh Điều X đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết, tình cảm với anh Điều X không còn nên chị Thị Y yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho chị Thị Y được ly hôn với anh Điều X.

Về con chung: Chị Thị Y và anh Điều X không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên chị Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Điều X trình bày: Anh Điều X thừa nhận lời trình bày của chị Thị Y về việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống của anh với chị Thị Y là đúng. Quá trình chung sống không được hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm. Anh Điều X cũng không còn tình cảm với chị Thị Y nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Y, giải quyết cho anh Điều X và chị Thị Y được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên anh Điều X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Y, cho chị Thị Y được ly hôn với anh Điều X.

Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001238 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Thị Y khởi kiện yêu

cầu ly hôn với anh Điều X có nơi cư trú tại Bon J, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông do đó đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Thị Y với anh Điều X, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 17/7/2014, chị Thị Y và anh Điều X tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thị Y và anh Điều X là hợp pháp.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Thị Y và anh Điều X đã tồn tại mâu thuẫn kéo dài, cả chị Thị Y và anh Điều X đều cho rằng cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không còn tình cảm với nhau, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Thị Y và anh Điều X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Thị Y với anh Điều X là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thị Y và anh Điều X không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Y được ly hôn với anh Điều X.

2. Về án phí: Chị Thị Y phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Thị Y đã nộp theo biên lai số 0001238 ngày 12/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- STP tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THA huyện Tuy Đức;
- UBND xã QT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Triệu